

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 488/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 12- 2018.

V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn

Và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Nguyễn Thị Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381 /2018/TLST- HNGĐ ngày 19-11-2018, về: “*Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Văn S, sinh năm 1986. Cư trú ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1986. Cư trú ấp Phú Đ, xã Phú L, huyện PT, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 05); bản tự khai (bút lục số 12) thì anh Đỗ Văn S khai:

- Anh với chị Tr thành vợ, chồng vào tháng 12 năm 2008, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 227, ngày 11 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cự cãi và ly thân từ năm 2011 đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Đỗ Thị V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2009, sống với chị Tr.

- Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Đồng ý cho chị Tr được tiếp tục nuôi con, anh không có khả năng cấp dưỡng.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai (bút lục số 13) thì chị Lê Thị Thùy Tr khai:

- Chị với anh S thành vợ chồng vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi và ly thân từ năm 2011 đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Đỗ Thị V, sống với chị.

- Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Đồng ý ly hôn với anh S.

- Được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

- Tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Anh S và chị Tr có đơn yêu cầu vắng mặt phiên họp, hòa giải (bút lục các số 09 và 10), vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục các số 18 và 19).

{1.2} Anh S và chị Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục các số 09 và 10), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các anh, chị.

{2} Về nội dung :

[2.1] Hôn nhân giữa anh S và chị Tr có đăng ký kết hôn vào năm 2008 (bút lục số 03), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: Phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, hiện nay anh, chị đều thống nhất ly hôn. HĐXX xét thấy, nếu hòa giải được thì đã lập biên bản và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng do anh, chị yêu cầu vắng mặt khi hòa giải và cả hai đồng ý ly hôn (bút lục các số 09 và 10), thời gian chung sống chỉ 03 năm (từ năm 2008 đến năm 2011), thời gian ly thân 7 năm (từ năm 2011 đến năm 2018) và từ khi ly thân đến nay không gặp nhau để hàn gắn chung sống lại, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S. Theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Anh S và chị Tr thống nhất có 01 con tên Đỗ Thị V, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2009, sống với chị Tr. Nay anh, chị thống nhất là chị Tr được tiếp tục nuôi con phù hợp với bản tự khai là nguyện vọng của cháu V được tiếp tục sống với chị Tr (bút lục số 11). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh, chị theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.3} Về quan hệ tài sản; quan hệ nợ phải thu : Không có (bút lục các số 12 và 13) vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về nợ phải trả: không có (bút lục các số 12 và 13), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh S và chị Tr phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Anh S phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81; các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Tuyên xử:

- Anh Đỗ Văn S được ly hôn với chị Lê Thị Thùy Tr. Giấy chứng nhận kết hôn số 227 ngày 11- 12- 2008 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ không còn giá trị pháp lý.

- Chị Lê Thị Thùy Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Đỗ Thị V, sinh ngày 04-7-2009, nhưng chị Tr không được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 000717 ngày 19-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh S không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh S và chị Tr có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Bình Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Dũng